

**TỪ ĐIỂN GIẢI NGHĨA**  
**TÀI CHÍNH - ĐẦU TƯ**  
**NGÂN HÀNG - KẾ TOÁN**  
**ANH - VIỆT**

**ENGLISH - VIETNAMESE DICTIONARY OF**  
**FINANCE - INVESTMENT - BANKING - ACCOUNTING**  
**WITH EXPLANATION**

**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT**  
**SCIENCE AND TECHNICS PUBLISHING HOUSE**

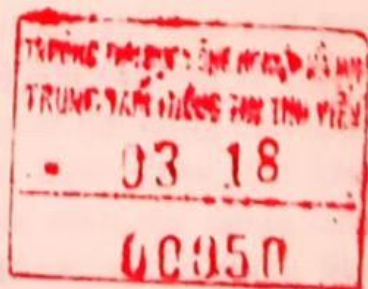


**TỪ ĐIỂN GIẢI NGHĨA  
TÀI CHÍNH - ĐẦU TƯ -  
NGÂN HÀNG - KẾ TOÁN  
ANH - VIỆT**

**Khoảng 8.000 thuật ngữ**

**ENGLISH - VIETNAMESE DICTIONARY OF  
FINANCE - INVESTMENT - BANKING - ACCOUNTING  
WITH EXPLANATION**

**About 8,000 terms**



**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT  
SCIENCE AND TECHNICS PUBLISHING HOUSE  
HÀ NỘI - 1999**



## Lời Nhà xuất bản

Trên thị trường sách ở nước ta hiện nay đã có mặt khá nhiều cuốn từ điển Anh - Việt về kinh tế chuyên ngành và liên ngành. Tuy vậy theo định hướng và sự chuẩn bị của Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật (NXB) từ nhiều năm nay và theo yêu cầu bạn đọc, NXB tiếp tục xuất bản những cuốn từ điển Anh - Việt thuộc các lĩnh vực kinh tế có nội dung ngày càng phong phú hơn.

**Cuốn Từ điển giải nghĩa tài chính - đầu tư - ngân hàng - kế toán Anh - Việt** có khoảng 8.000 thuật ngữ này là một trong những cuốn trong kế hoạch đó. Cuốn này do hai ông Nguyễn Đức Dỵ và Nguyễn Ngọc Bích biên soạn theo "đặt hàng" của NXB dựa trên cơ sở chính là các cuốn từ điển kinh tế chuyên ngành đã được xuất bản ở Mỹ và Anh (Xem các sách tham khảo chính, trang 6).

Mục đích của cuốn sách nhằm giúp các bạn đọc thường sử dụng các tài liệu tiếng Anh về kinh tế hiểu sâu hơn về nội dung những thuật ngữ tiếng Anh thường gặp và có thể diễn đạt ra tiếng Việt những thuật ngữ đó.

Phần diễn giải các thuật ngữ không nhất thiết luôn luôn nêu thật đầy đủ nội dung các thuật ngữ mà có khi chỉ nêu một hoặc vài ba ý nghĩa chính của nội dung, cũng có khi chỉ đưa ra một ví dụ cách dùng là bạn đọc có thể hiểu tổng quát nội dung của thuật ngữ đó, để có thể phân biệt với thuật ngữ khác. Điều khó khăn nhất khi biên soạn cuốn từ điển này là việc định tên nghĩa tiếng Việt về kinh tế cho các thuật ngữ tiếng Anh, vì có nhiều khái niệm kinh tế thị trường đối với chúng ta hiện còn rất mới mẻ, ngay cả chưa có hoặc chưa gặp ở thực tế nước ta. Chúng tôi hy vọng sau một thời gian sử dụng, thực tế sẽ cân nhắc chấp nhận chúng hoặc có thể chọn một tên gọi khác sát nghĩa hơn, hàm ý hơn.

Nhân cuốn sách được xuất bản, NXB xin chân thành cảm ơn những người biên soạn đã cùng với NXB phối hợp rất khẩn trương, hoàn thành kịp thời hạn theo kế hoạch đã đặt ra.

Mặc dầu những người biên soạn và NXB đã rất cố gắng để hoàn thành cuốn từ điển này, song như đã nói ở trên, đây là việc rất khó, nên chắc chắn sẽ không tránh khỏi được những sai sót. Vì vậy chúng tôi rất mong được các bạn đọc chân thành góp ý để cho lần xuất bản sau được tốt hơn. Thư từ góp ý xin gửi về NXB Khoa học và Kỹ thuật 70, Trần Hưng Đạo, Hà Nội.

## NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT



## MỘT SỐ ĐIỂM CẦN CHÚ Ý KHI SỬ DỤNG

1. Các từ, cụm từ (thuật ngữ) tiếng Anh được in to đậm, đặt nhỏ ra lề, đặt nối tiếp là các nghĩa tiếng Việt in nghiêng. Nếu thuật ngữ có nhiều nghĩa tiếng Việt, các nghĩa được xếp theo thứ tự 1,2,3.... Ở phần giải nghĩa nội dung (in chữ nhỏ) cũng theo thứ tự 1,2,3... tương ứng nói trên.  
Các thuật ngữ dẫn giải tiếng Anh (có ghép tính từ) cũng được in đậm nhưng cỡ chữ nhỏ hơn, đặt lùi vào trong cũng được xếp theo vần chữ cái tiếng Anh, và cách định tên tiếng Việt cho các thuật ngữ đó cũng tương tự như ở các thuật ngữ chính.
2. Những thuật ngữ tiếng Anh có dạng viết tắt, chữ viết tắt được đặt trong ngoặc đơn sau thuật ngữ.
3. Các ví dụ được dịch ra tiếng Việt và để trong ngoặc đơn ngay sau ví dụ bằng tiếng Anh.

### Những ký hiệu viết tắt:

<i>dn</i>	:	đồng nghĩa
<i>ngn</i>	:	ngược nghĩa
<i>ss</i>	:	so sánh
<i>vd</i>	:	ví dụ
<i>vt</i>	:	viết tắt
<i>x</i>	:	xem.



## A

**A, AA, AAA một A, hai A, ba A.**

Các ký hiệu để chỉ phẩm cấp của các cổ phiếu, các trái khoán hay các ngân hàng nói lên mức tin nhiệm của những loại đó. càng nhiều chữ A thì mức tin nhiệm càng cao.

**AI loại AI.**

Ký hiệu để chỉ phẩm cấp của một tài sản hay một con người là ở trong tình trạng tốt nhất. Ký hiệu này được dùng trong nghiệp vụ bảo hiểm. *vd.* một con tàu có đủ điều kiện tốt nhất để đi biển thì được Công ty Đăng kiểm tàu Lloyd's xác nhận là loại AI.

**abatement bớt, giảm.**

Việc bớt, giảm một khoản tiền phải trả. *vd.* giảm giá, bớt giá hàng, hay việc giảm thuế.

**abbreviated accounts báo cáo kế toán vắn tắt.**

Ở Anh, những báo cáo tài chính mà các công ty vừa và nhỏ phải nộp cho Cục Đăng kiểm công ty, trong đó có một số khoản mục được miễn đi vào chi tiết như đòi hỏi với các công ty lớn. Báo cáo này trước kia được định danh là "báo cáo kế toán giản lược" (*modified accounts*). Nó phải có kèm theo bản sao toàn văn báo cáo kiểm toán, trong đó các kiểm toán viên xác nhận rằng báo cáo đã được lập một cách hợp thức và chính xác và công ty có đủ tiêu chuẩn để được miễn báo cáo chi tiết một số khoản mục.

**ABC agreement Thỏa ước ABC.**

Thỏa ước giữa một hãng môi giới và một trong những viên chức của hãng giải thích rõ các quyền của hãng khi hãng mua một quyền làm thành viên Sở Giao dịch chứng khoán New York (NYSE) cho người viên chức ấy. Chỉ các cá nhân mới có thể là thành viên của NYSE, và điều đã trở thành thông lệ là một hãng cấp tiền cho một trong những viên chức của mình mua một quyền

làm thành viên hay một chân (*seat*) trong NYSE. Thỏa ước ABC được NYSE - chấp thuận có những điều khoản như sau về việc sử dụng vai trò thành viên ấy: (1) người viên chức này có thể giữ, tư cách thành viên và mua một chân khác cho một cá nhân được hãng chỉ định; (2) người viên chức này có thể bán chân ấy và nộp số tiền thu được cho hãng; (3) người viên chức này có thể chuyển nhượng chân ấy cho một viên chức khác của hãng.

**ABC method phương pháp ABC.**

*x. investory control.*

**ability to pay khả năng chi trả.**

Về tài chính, khả năng trả nợ, còn được gọi là khả năng dịch vụ nợ (*ability to service*). Khả năng người mắc nợ có thể chi trả vốn và lãi về những trái vụ dài hạn bằng những thu nhập của mình. Về quan hệ công nghiệp, khả năng của một người chủ sử dụng lao động, đặc biệt là của một tổ chức tài chính, có thể đáp ứng những đòi hỏi về mặt tài chính của một nghiệp đoàn bằng thu nhập kinh doanh của mình.

Về trái phiếu thành phố, khả năng hiện tại và tương lai của người phát hành có thể tạo ra một thu nhập thuế đủ để đáp ứng những trách vụ nợ theo hợp đồng của mình, có tính đến tất cả những yếu tố có liên quan với thu nhập của thành phố và các giá trị của tài sản.

Về thuế, quan điểm cho rằng các suất thuế phải khác nhau theo các mức tài sản hay thu nhập: ví dụ, thuế thu nhập lũy tiến.

**abnormal performance index chỉ số động thái khác thường.**

Một chỉ số của những biến động không có tình hệ thống trong các giá cả cổ phiếu được dùng để khảo sát những hiệu ứng của các biến động bất ngờ trong việc tính toán thu nhập.